DANH SÁCH HS KHỐI 11 KIỂM TRA GIỮA KỲ I - NĂM HỌC 2024 - 2025

Phòng thi: 01

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Toán (MĐ)	Ngữ văn (Ký tên)	Tiếng Anh (MĐ)
1	000001	Bùi Hoàng Thúy An	31/03/2008	11B1			
2	000002	Đặng Khánh An	15/12/2008	11B6			
3	000003	Nguyễn Nữ Quỳnh An	03/07/2008	11B4			
4	000004	Ngô Trương Bảo An	25/07/2008	11B4			
5	000005	Lê Bùi Nguyên Anh	06/08/2008	11B10			
6	000006	Phạm Chí Anh	29/05/2008	11B4			
7	000007	Lê Đức Anh	01/01/2008	11B11			
8	000008	Lê Hoài Anh	03/12/2008	11B3			
9	000009	Lê Hoàng Anh	12/09/2008	11B7			
10	000010	Lê Hoàng Anh	17/03/2008	11B8			
11	000011	Nguyễn Hoàng Anh	20/11/2008	11B5			
12	000012	Hoàng Hồng Anh	12/08/2008	11B5			
13	000013	Lê Nguyễn Lan Anh	15/10/2008	11B1			
14	000014	Phạm Nguyễn Ngọc Anh	30/06/2008	11B4			
15	000015	Lương Nguyễn Quốc Anh	02/01/2008	11B9			
16	000016	Dương Quỳnh Anh	03/11/2008	11B5			
17	000017	Nguyễn Quỳnh Anh	18/07/2008	11B11			
18	000018	Phạm Quỳnh Anh	26/11/2008	11B5			
19	000019	Trần Thị Kiều Anh	11/11/2008	11B10			
20	000020	Ngô Thương Quế Anh	05/05/2008	11B4			
21	000021	Nguyễn Vũ Anh	29/12/2008	11B10			
22	000022	Trần Hà Duyên Ngọc Ánh	13/05/2008	11B5			
23	000023	Nguyễn Ngọc Ánh	09/01/2008	11B10			
24	000024	Nguyễn Trần Ngọc Ánh	13/10/2008	11B6			

DANH SÁCH HS KHỐI 11 KIỂM TRA GIỮA KỲ I - NĂM HỌC 2024 - 2025

Phòng thi: 02

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Toán (MĐ)	Ngữ văn (Ký tên)	Tiếng Anh (MĐ)
1	000025	Dương Bá Bảo	12/06/2008	11B1			
2	000026	Nguyễn Hoàng Kim Bảo	10/04/2008	11B8			
3	000027	Võ Hoàng Thiên Bảo	11/08/2008	11B5			
4	000028	Nguyễn Lê Thái Bảo	24/12/2008	11B3			
5	000029	Nguyễn Tăng Thái Bảo	27/01/2008	11B6			
6	000030	Huỳnh Thiên Bảo	31/08/2008	11B6			
7	000031	Trần Thiên Bảo	07/11/2008	11B5			
8	000032	Cao Trần Gia Bảo	20/03/2008	11B2			
9	000033	Trần Anh Bích	24/09/2008	11B7			
10	000034	Phạm Quốc Bình	24/05/2008	11B4			
11	000035	Nguyễn Hữu Vũ Châu	06/07/2008	11B7			
12	000036	Dương Kiều Bảo Châu	10/05/2008	11B6			
13	000037	Phan Ngọc Trân Châu	14/11/2008	11B4			
14	000038	Mai Thị Minh Châu	13/10/2008	11B1			
15	000039	Nguyễn Trần Bửu Châu	14/12/2008	11B1			
16	000040	Lê Trương Bảo Châu	10/09/2008	11B8			
17	000041	Nguyễn Hoài Trúc Chi	04/10/2008	11B4			
18	000042	Phạm Thị Kim Chi	30/08/2008	11B3			
19	000043	Ngô Thành Công	11/03/2008	11B2			
20	000044	Phan Vạn Ái Cơ	23/01/2008	11B9			
21	000045	Nguyễn Chí Cường	29/08/2008	11B6			
22	000046	Phạm Huỳnh Cường	11/03/2008	11B7			
23	000047	Nguyễn Cường	06/04/2008	11B11			
24	000048	Bùi Việt Cường	06/04/2008	11B10			

DANH SÁCH HS KHỐI 11 KIỂM TRA GIỮA KỲ I - NĂM HỌC 2024 - 2025

Phòng thi: 03

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Toán (MĐ)	Ngữ văn (Ký tên)	Tiếng Anh (MĐ)
1	000049	Hồ Đắc Di	24/04/2008	11B3			
2	000050	Nguyễn Thiên Di	01/11/2007	11B11			
3	000051	Nguyễn Thị Ngọc Diễm	06/09/2008	11B9			
4	000052	Nguyễn Hoàng Hạnh Dung	05/12/2008	11B4			
5	000053	Huỳnh Quốc Dũng	23/01/2008	11B2			
6	000054	Lâm Tấn Dũng	18/08/2008	11B1			
7	000055	Nguyễn Mạnh Duy	04/10/2008	11B1			
8	000056	Đặng Ngọc Khang Duy	12/11/2008	11B4			
9	000057	Nguyễn Thế Duy	10/01/2008	11B1			
10	000058	Nguyễn Mộng Tuyết Duyên	30/08/2008	11B8			
11	000059	Đặng Mỹ Duyên	02/02/2008	11B2			
12	000060	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	29/10/2008	11B1			
13	000061	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	08/01/2008	11B2			
14	000062	Phạm Trần Kỳ Duyên	06/02/2008	11B4			
15	000063	Nguyễn Lê Ánh Dương	11/02/2008	11B8			
16	000064	Trần Lê Dương	27/10/2008	11B5			
17	000065	Nguyễn Minh Dương	02/07/2008	11B2			
18	000066	Nguyễn Triều Dương	15/06/2008	11B1			
19	000067	Nguyễn Linh Đan	01/01/2008	11B10			
20	000068	Đặng Chí Đạt	16/11/2008	11B5			
21	000069	Lê Hoàng Đạt	13/04/2008	11B4			
22	000070	Phan Hoàng Đạt	05/01/2008	11B9			
23	000071	Lê Đạt	03/04/2008	11B5			
24	000072	Nguyễn Lê Minh Đạt	06/08/2008	11B1			

DANH SÁCH HS KHỐI 11 KIỂM TRA GIỮA KỲ I - NĂM HỌC 2024 - 2025

Phòng thi: 04

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Toán (MĐ)	Ngữ văn (Ký tên)	Tiếng Anh (MĐ)
1	000073	Đào Mạnh Thành Đạt	14/02/2008	11B3			
2	000074	Huỳnh Nguyên Đạt	24/02/2008	11B2			
3	000075	Phan Thành Đạt	28/10/2008	11B6			
4	000076	Nguyễn Tiến Đạt	20/07/2008	11B11			
5	000077	Nguyễn Bảo Đăng	18/05/2008	11B7			
6	000078	Nguyễn Hoàng Đăng	23/06/2008	11B2			
7	000079	Nguyễn Huỳnh Hoàng Đăng	03/12/2007	11B10			
8	000080	Nguyễn Minh Đăng	21/04/2008	11B9			
9	000081	Lương Công Điền	09/12/2008	11B11			
10	000082	Hồ Trọng Đông	10/03/2008	11B6			
11	000083	Phan Nguyễn Huyền Đức	29/09/2008	11B5			
12	000084	Trương Thị Thu Giang	13/11/2008	11B10			
13	000085	Nguyễn Lê Quỳnh Giao	31/03/2008	11B3			
14	000086	Nguyễn Ngọc Kim Nhung Ha	12/01/2008	11B8			
15	000087	Nguyễn Thị Cẩm Hà	28/11/2008	11B5			
16	000088	Nguyễn Thị Sơn Hà	23/04/2008	11B5			
17	000089	Nguyễn Hoàng Hải	07/04/2008	11B1			
18	000090	Hồ Minh Hải	12/12/2008	11B10			
19	000091	Đinh Nguyễn Hoàng Hải	02/12/2008	11B5			
20	000092	Nguyễn Lê Kim In Han	05/04/2008	11B1			
21	000093	Huỳnh Thị Mỹ Hạnh	06/08/2008	11B6			
22	000094	Phan Gia Hào	21/08/2008	11B7			
23	000095	Trương Gia Hào	28/04/2008	11B11			
24	000096	Đỗ Nhật Hào	12/03/2008	11B7			

DANH SÁCH HS KHỐI 11 KIỂM TRA GIỮA KỲ I - NĂM HỌC 2024 - 2025

Phòng thi: 05

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Toán (MĐ)	Ngữ văn (Ký tên)	Tiếng Anh (MĐ)
1	000097	Lê Quang Hào	26/07/2008	11B3			
2	000098	Nguyễn Võ Đông Hào	26/09/2008	11B10			
3	000099	Nguyễn Tân Vĩnh Hảo	18/05/2008	11B1			
4	000100	Phạm Thị Bích Hằng	31/12/2008	11B8			
5	000101	Hồ Thị Thu Hằng	14/06/2008	11B4			
6	000102	Lê Bảo Hân	21/03/2008	11B7			
7	000103	Trần Dương Hồng Hân	27/02/2008	11B1			
8	000104	Lê Đỗ Ngọc Hân	02/08/2008	11B6			
9	000105	Lữ Hoàng Bảo Hân	22/02/2008	11B9			
10	000106	Nguyễn Hồng Hân	16/08/2008	11B7			
11	000107	Nguyễn Phương Bảo Hân	24/08/2008	11B5			
12	000108	Nguyễn Thị Ngọc Hân	10/04/2008	11B3			
13	000109	Dương Phúc Hậu	05/10/2008	11B8			
14	000110	Nguyễn Thị Minh Hậu	13/08/2008	11B2			
15	000111	Dương Minh Hiện	20/10/2008	11B8			
16	000112	Trần Bá Hoài	03/06/2008	11B11			
17	000113	Phan Thị Như Hoài	18/04/2008	11B9			
18	000114	Nguyễn Duy Hoàng	29/10/2008	11B3			
19	000115	Nguyễn Huy Hoàng	04/03/2008	11B9			
20	000116	Trần Nguyễn Diệu Hoàng	16/07/2008	11B3			
21	000117	Trần Nhật Huy Hoàng	16/10/2008	11B6			
22	000118	Trần Nhật Hoàng	08/05/2008	11B4			
23	000119	Nguyễn Thanh Hoàng	02/12/2008	11B4			
24	000120	Lê Tiến Hoàng	13/05/2008	11B2			

DANH SÁCH HS KHỐI 11 KIỂM TRA GIỮA KỲ I - NĂM HỌC 2024 - 2025

Phòng thi: 06

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Toán (MĐ)	Ngữ văn (Ký tên)	Tiếng Anh (MĐ)
1	000121	Cao Thị Bích Hợp	13/06/2008	11B4			
2	000122	Phan Văn Hợp	18/03/2008	11B8			
3	000123	Nguyễn Quốc Huân	25/03/2008	11B8			
4	000124	Huỳnh Đức Huấn	27/05/2007	11B1			
5	000125	Giáp Bùi Gia Huệ	01/07/2008	11B10			
6	000126	Tăng Kiều Kim Huệ	30/10/2008	11B6			
7	000127	Đoàn Ngọc Huệ	25/09/2008	11B5			
8	000128	Nguyễn Thị Huệ	18/03/2008	11B8			
9	000129	Bùi Phi Hùng	10/01/2008	11B7			
10	000130	Huỳnh Đặng Gia Huy	28/06/2008	11B6			
11	000131	Lê Đức Huy	27/01/2008	11B1			
12	000132	Đỗ Gia Huy	29/09/2008	11B9			
13	000133	Phùng Gia Huy	25/10/2008	11B3			
14	000134	Trần Gia Huy	24/03/2008	11B4			
15	000135	Nguyễn Hoàng Huy	27/09/2008	11B4			
16	000136	Trần Hoàng Quang Huy	09/09/2008	11B1			
17	000137	Bùi Lê Gia Huy	20/03/2008	11B9			
18	000138	Nguyễn Lê Nhật Huy	02/07/2008	11B2			
19	000139	Nguyễn Phan Tuấn Huy	28/04/2008	11B2			
20	000140	Nguyễn Phúc Gia Huy	19/04/2008	11B3			
21	000141	Nguyễn Trần Gia Huy	28/07/2008	11B1			
22	000142	Phạm Trần Nhật Huy	18/01/2008	11B9			
23	000143	Phan Nguyễn Ngọc Huyên	20/04/2008	11B5			
24	000144	Lê Chính Hưng	15/10/2008	11B9			

DANH SÁCH HS KHỐI 11 KIỂM TRA GIỮA KỲ I - NĂM HỌC 2024 - 2025

Phòng thi: 07

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Toán (MĐ)	Ngữ văn (Ký tên)	Tiếng Anh (MĐ)
1	000145	Phạm Đăng Hưng	04/01/2008	11B11			
2	000146	Ngô Gia Hưng	21/04/2008	11B2			
3	000147	Phạm Gia Hưng	06/01/2008	11B8			
4	000148	Nguyễn Quốc Hưng	19/10/2008	11B3			
5	000149	Lê Việt Hưng	15/12/2008	11B8			
6	000150	Nguyễn Phạm Thanh Hương	18/09/2008	11B1			
7	000151	Phạm Quỳnh Hương	05/04/2008	11B7			
8	000152	Phan Long Hy	01/05/2008	11B10			
9	000153	Huỳnh Nguyễn Trung Kha	12/02/2008	11B11			
10	000154	Phan Nhị Kha	05/12/2008	11B7			
11	000155	Nguyễn Thị Kiêm Kha	23/10/2008	11B6			
12	000156	Huỳnh Lâm Nhật Khang	26/03/2008	11B10			
13	000157	Nguyễn Tấn Khang	23/02/2008	11B2			
14	000158	Trần Thanh Khang	29/02/2008	11B10			
15	000159	Lê Quốc Khanh	24/10/2008	11B3			
16	000160	Lê Huỳnh Xuân Khánh	16/03/2008	11B2			
17	000161	Trần Lê Mai Khánh	21/06/2008	11B6			
18	000162	Đoàn Ngọc Khánh	01/09/2008	11B9			
19	000163	Đỗ Nguyễn Ngọc Khánh	16/10/2008	11B9			
20	000164	Nguyễn Văn Khánh	08/10/2008	11B8			
21	000165	Đào Duy Khiêm	16/01/2008	11B4			
22	000166	Tô Văn Khiêm	19/11/2008	11B7			
23	000167	Nguyễn Diệp Khoa	24/02/2008	11B10			
24	000168	Huỳnh Duy Khoa	06/04/2008	11B1			

DANH SÁCH HS KHỐI 11 KIỂM TRA GIỮA KỲ I - NĂM HỌC 2024 - 2025

Phòng thi: 08

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Toán (MĐ)	Ngữ văn (Ký tên)	Tiếng Anh (MĐ)
1	000169	Đỗ Tài Đăng Khoa	01/03/2008	11B9			
2	000170	Phạm Trần Đình Khôi	02/06/2008	11B1			
3	000171	Nguyễn Trần Khôi	01/10/2008	11B5			
4	000172	Phạm Trọng Khôi	08/01/2008	11B7			
5	000173	Nguyễn Thị Kiêm Khuê	23/10/2008	11B5			
6	000174	Nguyễn Bùi Cao Khương	23/04/2008	11B8			
7	000175	Trương Gia Kiên	07/01/2008	11B11			
8	000176	Trần Lê Hải Kiên	15/11/2008	11B6			
9	000177	Trần Nhật Kiên	26/05/2008	11B6			
10	000178	Đặng Anh Kiệt	12/06/2008	11B4			
11	000179	Phan Anh Kiệt	07/12/2008	11B2			
12	000180	Trần Vương Anh Kiệt	05/10/2008	11B3			
13	000181	Bùi Thị Thúy Kiều	13/09/2008	11B7			
14	000182	Thân Lê Kin	03/10/2008	11B7			
15	000183	Nguyễn Quang Sông Kỳ	07/05/2008	11B3			
16	000184	Đặng Thiên Kỳ	17/08/2008	11B8			
17	000185	Huỳnh Vĩnh Kỳ	23/12/2008	11B10			
18	000186	Nguyễn Thanh Lam	10/01/2008	11B1			
19	000187	Huỳnh Thị Hương Lan	26/11/2008	11B10			
20	000188	Lê Khánh Lâm	27/12/2008	11B10			
21	000189	Trần Thị Bích Liên	06/02/2008	11B9			
22	000190	Y Liêng	17/06/2008	11B8			
23	000191	Nguyễn Thị Liễu	02/05/2008	11B3			
24	000192	Trần Đặng Hà Linh	16/12/2008	11B2			

DANH SÁCH HS KHỐI 11 KIỂM TRA GIỮA KỲ I - NĂM HỌC 2024 - 2025

Phòng thi: 09

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Toán (MĐ)	Ngữ văn (Ký tên)	Tiếng Anh (MĐ)
1	000193	Trần Gia Linh	29/09/2008	11B3			
2	000194	Phạm Lê Hà Linh	03/05/2008	11B11			
3	000195	Trần Mai Linh	27/02/2008	11B4			
4	000196	Đặng Phương Linh	24/08/2008	11B10			
5	000197	Đỗ Phương Linh	23/11/2008	11B10			
6	000198	Nguyễn Thùy Linh	01/01/2008	11B3			
7	000199	Phan Huỳnh Duy Lĩnh	13/07/2008	11B1			
8	000200	Huỳnh Quốc Lĩnh	02/07/2008	11B11			
9	000201	Đỗ Hoàng Long	10/04/2008	11B1			
10	000202	Nguyễn Xuân Long	07/04/2008	11B1			
11	000203	Nguyễn Tấn Lộc	21/11/2008	11B11			
12	000204	Nguyễn Tuấn Lộc	20/01/2008	11B9			
13	000205	Lê Duy Lợi	01/04/2008	11B2			
14	000206	Cao Huỳnh Khả Lợi	01/04/2008	11B5			
15	000207	Nguyễn Thị Tiến Lợi	08/01/2008	11B2			
16	000208	Trần Ngọc Luận	15/04/2008	11B2			
17	000209	Nguyễn Đoàn Khánh Ly	29/11/2008	11B4			
18	000210	Đinh Lương Nhật Ly	22/02/2008	11B4			
19	000211	Phạm Thị Minh Lý	09/08/2008	11B5			
20	000212	Ngô Hoàng Mai	01/05/2008	11B9			
21	000213	Lê Ái Mẫn	06/03/2008	11B11			
22	000214	Lê Bình Minh	21/02/2008	11B11			
23	000215	Trần Đăng Minh	07/11/2008	11B2			
24	000216	Trần Hà Thanh Minh	29/08/2008	11B8			

DANH SÁCH HS KHỐI 11 KIỂM TRA GIỮA KỲ I - NĂM HỌC 2024 - 2025

Phòng thi: 10

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Toán (MĐ)	Ngữ văn (Ký tên)	Tiếng Anh (MĐ)
1	000217	Đặng Nguyễn Ánh Minh	31/01/2008	11B5			
2	000218	Nguyễn Quang Minh	16/10/2008	11B11			
3	000219	Nguyễn Tấn Minh	02/06/2008	11B6			
4	000220	Nguyễn Trần Cao Minh	20/02/2008	11B6			
5	000221	Phạm Nguyễn Bảo My	02/12/2008	11B5			
6	000222	Trương Nguyễn Thảo My	07/02/2008	11B5			
7	000223	Đoàn Nguyễn Trà My	10/03/2008	11B1			
8	000224	Kiều Nữ Trà My	10/11/2008	11B7			
9	000225	Đàm Thảo My	09/07/2008	11B10			
10	000226	Nguyễn Thị Trà My	22/07/2008	11B4			
11	000227	Đặng Trà My	20/07/2008	11B9			
12	000228	Đoàn Trà My	19/07/2008	11B5			
13	000229	Huỳnh Trà My	18/11/2008	11B7			
14	000230	Nguyễn Thái Hoàng Mỹ	07/01/2008	11B9			
15	000231	Lương Công Nam	15/11/2008	11B11			
16	000232	Lê Hoài Nam	17/05/2008	11B6			
17	000233	Nguyễn Kiều Hà Nam	28/10/2008	11B3			
18	000234	Nguyễn Nhất Nam	16/07/2008	11B10			
19	000235	Chu Thành Nam	20/07/2008	11B2			
20	000236	Nguyễn Thành Nam	19/02/2008	11B3			
21	000237	Nguyễn Hoàng Ngân	28/10/2008	11B10			
22	000238	Nguyễn Lê Kim Ngân	26/06/2008	11B6			
23	000239	Nguyễn Lê Kim Ngân	26/11/2008	11B10			
24	000240	Nguyễn Ngọc Kim Ngân	05/11/2008	11B1			

DANH SÁCH HS KHỐI 11 KIỂM TRA GIỮA KỲ I - NĂM HỌC 2024 - 2025

Phòng thi: 11

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Toán (MĐ)	Ngữ văn (Ký tên)	Tiếng Anh (MĐ)
1	000241	Phan Nguyễn Hoàng Ngân	11/07/2008	11B11			
2	000242	Nguyễn Phan Kim Ngân	12/11/2008	11B8			
3	000243	Phạm Thị Kim Ngân	18/11/2008	11B10			
4	000244	Trần Thiên Ngân	28/12/2008	11B11			
5	000245	Đoàn Thùy Ngân	30/04/2008	11B3			
6	000246	Nguyễn Tấn Nghĩa	19/01/2008	11B8			
7	000247	Trương Hồng Ngọc	20/10/2008	11B1			
8	000248	Nguyễn Lê Bảo Ngọc	25/10/2008	11B10			
9	000249	Phạm Nguyễn Bảo Ngọc	17/03/2008	11B8			
10	000250	Nguyễn Phan Hồng Ngọc	11/12/2008	11B10			
11	000251	Trần Thị Bảo Ngọc	05/06/2008	11B7			
12	000252	Đặng Thị Bích Ngọc	18/08/2008	11B7			
13	000253	Nguyễn Thị Hồng Ngọc	30/09/2008	11B3			
14	000254	Võ Thị Khánh Ngọc	06/07/2008	11B3			
15	000255	Thạch Bảo Nguyên	04/12/2008	11B6			
16	000256	Võ Đặng Phúc Nguyên	17/03/2008	11B4			
17	000257	Phạm Tường Nguyên	15/10/2008	11B8			
18	000258	Trần Võ Minh Nguyên	22/12/2008	11B9			
19	000259	Ngô Như Nguyệt	21/02/2008	11B5			
20	000260	Lê Mạnh Gia Ngữ	12/06/2008	11B9			
21	000261	Nguyễn Bùi Thuận Nhân	07/10/2008	11B2			
22	000262	Lương Công Thiện Nhân	30/05/2008	11B8			
23	000263	Nguyễn Doãn Nhân	16/06/2008	11B5			
24	000264	Đỗ Hữu Nhân	31/05/2008	11B10			

DANH SÁCH HS KHỐI 11 KIỂM TRA GIỮA KỲ I - NĂM HỌC 2024 - 2025

Phòng thi: 12

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Toán (MĐ)	Ngữ văn (Ký tên)	Tiếng Anh (MĐ)
1	000265	Nguyễn Thanh Nhân	02/07/2008	11B8			
2	000266	Nguyễn Thiện Nhân	29/01/2008	11B1			
3	000267	Thái Xuân Thiện Nhân	05/08/2008	11B1			
4	000268	Huỳnh Tấn Nhật	04/03/2008	11B11			
5	000269	Đinh Dương Yến Nhi	13/11/2008	11B4			
6	000270	Nguyễn Hoàng Yến Nhi	01/07/2008	11B6			
7	000271	Nguyễn Ngọc Yến Nhi	25/10/2008	11B6			
8	000272	Huỳnh Nữ Tố Nhi	11/01/2008	11B5			
9	000273	Lê Phương Yến Nhi	24/01/2008	11B7			
10	000274	Phan Thị Yến Nhi	26/08/2008	11B7			
11	000275	Y Nhòa	03/07/2008	11B8			
12	000276	Phan Ái Như	18/11/2008	11B9			
13	000277	Dương Bùi Phúc Như	06/01/2008	11B11			
14	000278	Nguyễn Hoàng Bảo Như	17/08/2008	11B3			
15	000279	Nguyễn Hoàng Như	16/09/2008	11B7			
16	000280	Nguyễn Huỳnh Gia Như	17/09/2008	11B5			
17	000281	Nguyễn Lâm Tâm Như	09/03/2008	11B3			
18	000282	Đoàn Lê Khả Như	13/11/2008	11B4			
19	000283	Đoàn Lê Khánh Như	13/11/2008	11B4			
20	000284	Võ Nguyễn Tâm Như	14/03/2008	11B1			
21	000285	Trần Nguyễn Thảo Như	30/09/2008	11B7			
22	000286	Cao Nguyễn Tố Như	27/05/2008	11B4			
23	000287	Huỳnh Thanh Yến Như	20/09/2008	11B2			
24	000288	Hà Vũ Quỳnh Như	31/07/2008	11B4			

DANH SÁCH HS KHỐI 11 KIỂM TRA GIỮA KỲ I - NĂM HỌC 2024 - 2025

Phòng thi: 13

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Toán (MĐ)	Ngữ văn (Ký tên)	Tiếng Anh (MĐ)
1	000289	Lê Nguyễn Nhật Ny	16/11/2008	11B1			
2	000290	Nguyễn Kim Oanh	13/07/2008	11B5			
3	000291	Phạm Thị Kim Oanh	17/07/2008	11B10			
4	000292	Bùi Gia Phát	12/07/2008	11B9			
5	000293	Lê Tấn Phát	19/01/2008	11B9			
6	000294	Nguyễn Tiến Phát	03/06/2008	11B9			
7	000295	Trương Hoàng Phong	26/05/2008	11B9			
8	000296	Đỗ Kiến Phong	19/08/2008	11B10			
9	000297	Huỳnh Ngọc Triệu Phong	01/11/2008	11B1			
10	000298	Đặng Thái Phong	14/05/2008	11B3			
11	000299	Nguyễn Thế Phong	21/05/2008	11B11			
12	000300	Phạm An Di Phú	16/10/2008	11B6			
13	000301	Nguyễn Bùi Gia Phú	23/12/2008	11B11			
14	000302	Trần Gia Phú	24/04/2008	11B3			
15	000303	Đỗ Huỳnh Xuân Phú	06/04/2008	11B8			
16	000304	Lê Ngô Thanh Phú	09/04/2008	11B3			
17	000305	Lê Thành Phú	10/11/2008	11B11			
18	000306	Nguyễn Thành Phú	16/03/2008	11B9			
19	000307	Cao Thương Phú	04/11/2008	11B5			
20	000308	Nguyễn Hoàng Phúc	30/06/2008	11B6			
21	000309	Ngô Hồng Phúc	03/10/2008	11B2			
22	000310	Phạm Minh Phúc	17/01/2008	11B5			
23	000311	Đoàn Ngọc Bảo Phúc	02/07/2008	11B9			
24	000312	Cao Hoàng Phước	18/11/2008	11B11			

DANH SÁCH HS KHỐI 11 KIỂM TRA GIỮA KỲ I - NĂM HỌC 2024 - 2025

Phòng thi: 14

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Toán (MĐ)	Ngữ văn (Ký tên)	Tiếng Anh (MĐ)
1	000313	Nguyễn Cao Kỳ Phương	03/11/2008	11B4			
2	000314	Phan Đỗ Mai Phương	13/09/2008	11B2			
3	000315	Vũ Nguyễn Khánh Phương	17/08/2008	11B1			
4	000316	Phạm Phương Phương	05/05/2008	11B3			
5	000317	Lê Vũ Thảo Phương	13/08/2008	11B4			
6	000318	Huỳnh Hà Pô Pi	20/06/2008	11B5			
7	000319	Huỳnh Bảo Nhật Quang	23/08/2008	11B4			
8	000320	Phạm Ngọc Quang	22/02/2008	11B2			
9	000321	Kiều Thái Quang	09/06/2008	11B2			
10	000322	Phạm Tiến Quang	11/03/2008	11B7			
11	000323	Nguyễn Bảo Quốc	15/08/2008	11B1			
12	000324	Võ Nguyễn Anh Quốc	13/01/2008	11B7			
13	000325	Nguyễn Giáp Hải Quy	13/05/2008	11B11			
14	000326	Võ Trọng Quý	02/02/2008	11B4			
15	000327	Mai Xuân Quý	05/05/2008	11B3			
16	000328	Đặng Bùi Hồng Quyên	15/07/2008	11B8			
17	000329	Hồ Phạm Quy Quyền	03/07/2008	11B5			
18	000330	Trần Thế Quyền	12/03/2008	11B4			
19	000331	Nguyễn Châu Nhật Quỳnh	01/02/2008	11B10			
20	000332	Trần Ngọc Như Quỳnh	28/05/2008	11B11			
21	000333	Hồ Như Quỳnh	17/11/2008	11B3			
22	000334	Lý Như Quỳnh	04/08/2008	11B6			
23	000335	Nguyễn Như Quỳnh	15/11/2008	11B4			
24	000336	Trương Như Quỳnh	26/08/2008	11B3			

DANH SÁCH HS KHỐI 11 KIỂM TRA GIỮA KỲ I - NĂM HỌC 2024 - 2025

Phòng thi: 15

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Toán (MĐ)	Ngữ văn (Ký tên)	Tiếng Anh (MĐ)
1	000337	Phan Thị Như Quỳnh	23/02/2008	11B6			
2	000338	Đào Thị Hồng Son	13/05/2008	11B1			
3	000339	Nguyễn Trọng Hoàng Sơn	22/07/2008	11B3			
4	000340	Bùi Ngọc Tài	26/06/2008	11B2			
5	000341	Nguyễn Thị Như Tài	26/06/2008	11B9			
6	000342	Lưu Văn Tài	06/03/2008	11B2			
7	000343	Nguyễn Huỳnh Minh Tâm	18/05/2008	11B11			
8	000344	Nguyễn Ngọc Minh Tâm	11/09/2008	11B11			
9	000345	Nguyễn Ngọc Tâm	12/01/2008	11B2			
10	000346	Nguyễn Thành Tâm	13/04/2008	11B7			
11	000347	Nguyễn Thiện Tâm	17/05/2008	11B1			
12	000348	Trần Thái Tân	08/12/2008	11B5			
13	000349	Đặng Quốc Tây	07/05/2008	11B3			
14	000350	Đặng Thái	14/05/2008	11B7			
15	000351	Huỳnh Tô Quốc Thái	16/08/2008	11B8			
16	000352	Cao Văn Thái	14/12/2007	11B2			
17	000353	Nguyễn Tấn Thanh	08/11/2008	11B1			
18	000354	Nguyễn Thiện Thanh	05/01/2008	11B6			
19	000355	Võ Minh Thành	02/12/2008	11B4			
20	000356	Trần Huỳnh Thao	01/07/2008	11B6			
21	000357	Nguyễn Thị Phương Thảo	28/03/2008	11B10			
22	000358	Trần Thu Thảo	05/04/2008	11B4			
23	000359	Ngô Trần Thanh Thảo	02/01/2008	11B9			
24	000360	Bùi Ngọc Thắng	15/07/2008	11B9			

DANH SÁCH HS KHỐI 11 KIỂM TRA GIỮA KỲ I - NĂM HỌC 2024 - 2025

Phòng thi: 16

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Toán (MĐ)	Ngữ văn (Ký tên)	Tiếng Anh (MĐ)
1	000361	Phạm Huỳnh Anh Thi	16/12/2008	11B10			
2	000362	Mã Kim Bảo Thi	07/01/2008	11B7			
3	000363	Nguyễn Bảo Thiên	19/09/2008	11B5			
4	000364	Trần Cao Thiên	21/10/2008	11B11			
5	000365	Đỗ Hòa Gia Thiên	26/03/2008	11B9			
6	000366	Nguyễn Lê Nhựt Thiên	23/12/2008	11B2			
7	000367	Trần Nhất Thiên	17/12/2008	11B4			
8	000368	Nguyễn Nhật Minh Thiên	29/10/2008	11B9			
9	000369	Trần Chí Thiện	20/06/2008	11B5			
10	000370	Trần Hoàng Thiện	16/07/2008	11B7			
11	000371	Võ Lương Thiện	25/07/2008	11B4			
12	000372	Nguyễn Nhật Thiện	03/02/2008	11B2			
13	000373	Nguyễn Tấn Thiện	22/06/2008	11B6			
14	000374	Phan Trí Thiện	12/09/2008	11B10			
15	000375	Ngô Đinh Tuấn Thịnh	25/02/2008	11B10			
16	000376	Bùi Lê Đức Thịnh	06/06/2008	11B2			
17	000377	Huỳnh Tấn Thịnh	08/09/2008	11B1			
18	000378	Nguyễn Tiến Thịnh	31/01/2008	11B10			
19	000379	Lê Thị Ngân Thu	03/07/2008	11B11			
20	000380	Đặng Phi Thuần	12/02/2008	11B1			
21	000381	Võ Hoàng Đoan Thục	05/10/2008	11B7			
22	000382	Phan Nguyễn Thị Thu Thùy	01/01/2008	11B8			
23	000383	Đỗ Thị Thanh Thùy	07/06/2008	11B6			
24	000384	Nguyễn Anh Thư	13/08/2008	11B2			

DANH SÁCH HS KHỐI 11 KIỂM TRA GIỮA KỲ I - NĂM HỌC 2024 - 2025

Phòng thi: 17

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Toán (MĐ)	Ngữ văn (Ký tên)	Tiếng Anh (MĐ)
1	000385	Võ Đặng Anh Thư	07/09/2008	11B10			
2	000386	Phan Ngọc Minh Thư	28/10/2008	11B7			
3	000387	Lưu Nguyễn Anh Thư	06/08/2008	11B8			
4	000388	Đào Thị Anh Thư	05/06/2008	11B11			
5	000389	Võ Thị Minh Thư	12/03/2008	11B8			
6	000390	Lê Vũ Anh Thư	04/12/2008	11B6			
7	000391	Lê Hồng Phi Thứ	12/06/2008	11B2			
8	000392	Lê Phan Hoài Thương	30/03/2008	11B9			
9	000393	Võ Hồng Cát Tiên	29/01/2008	11B6			
10	000394	Bạch Dương Anh Tiến	14/07/2007	11B4			
11	000395	Lê Minh Tiến	01/01/2008	11B1			
12	000396	Nguyễn Minh Tiến	21/09/2008	11B11			
13	000397	Nguyễn Nhật Tiến	09/07/2008	11B5			
14	000398	Nguyễn Tấn Tiến	20/06/2008	11B3			
15	000399	Trần Thị Ngọc Tiến	23/06/2008	11B10			
16	000400	Đoàn Đức Tín	08/03/2008	11B7			
17	000401	Trần Ngọc Tín	25/09/2008	11B7			
18	000402	Mang Cao Tính	03/05/2008	11B1			
19	000403	Bùi Thị Thủy Tình	28/11/2008	11B9			
20	000404	Trần Quốc Toàn	27/12/2008	11B11			
21	000405	Nguyễn Trần Thanh Toàn	26/11/2008	11B8			
22	000406	Nguyễn Lam Trà	07/10/2008	11B5			
23	000407	Tạ Nguyễn Hoàng Trang	02/10/2008	11B9			
24	000408	Công Thiên Trang	29/06/2008	11B7			

DANH SÁCH HS KHỐI 11 KIỂM TRA GIỮA KỲ I - NĂM HỌC 2024 - 2025

Phòng thi: 18

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Toán (MĐ)	Ngữ văn (Ký tên)	Tiếng Anh (MĐ)
1	000409	Trần Xuân Trang	29/12/2008	11B3			
2	000410	Phan Bảo Trân	14/11/2008	11B6			
3	000411	Nguyễn Ngọc Huyền Trân	05/03/2008	11B7			
4	000412	Ngô Ngọc Trân	30/11/2008	11B11			
5	000413	Đào Nguyễn Bảo Trân	14/01/2008	11B2			
6	000414	Đinh Nguyễn Bảo Trân	07/04/2008	11B9			
7	000415	Bùi Nguyễn Bội Trân	13/05/2008	11B3			
8	000416	Ngô Minh Trí	26/06/2008	11B1			
9	000417	Võ Thành Trí	29/09/2008	11B3			
10	000418	Phan Túc Trí	24/02/2008	11B8			
11	000419	Nguyễn Lê Thảo Trinh	03/12/2008	11B10			
12	000420	Nguyễn Thị Tú Trinh	21/08/2008	11B6			
13	000421	Lê Võ Thảo Trinh	23/12/2008	11B10			
14	000422	Nguyễn Huỳnh Minh Trọng	28/09/2008	11B7			
15	000423	Lê Hữu Trọng	15/08/2008	11B11			
16	000424	Phạm Lê Quốc Trung	26/07/2008	11B6			
17	000425	Phan Thành Trung	16/02/2008	11B1			
18	000426	Trần Trọng Trung	29/12/2007	11B4			
19	000427	Nguyễn Việt Trường	04/09/2008	11B3			
20	000428	Nguyễn Anh Tú	22/04/2008	11B9			
21	000429	Nguyễn Minh Tú	08/10/2008	11B2			
22	000430	Hồ Trần Thiên Tú	12/09/2008	11B4			
23	000431	Trần Anh Tuấn	05/01/2008	11B11			
24	000432	Phạm Đình Tuấn	09/02/2008	11B2			

DANH SÁCH HS KHỐI 11 KIỂM TRA GIỮA KỲ I - NĂM HỌC 2024 - 2025

Phòng thi: 19

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Toán (MĐ)	Ngữ văn (Ký tên)	Tiếng Anh (MĐ)
1	000433	Ngô Gia Tuấn	21/10/2008	11B3			
2	000434	Võ Kim Tuấn	29/01/2008	11B2			
3	000435	Võ Lương Tuấn	18/04/2008	11B4			
4	000436	Phạm Thái Tuấn	13/12/2008	11B10			
5	000437	Nguyễn Anh Tùng	07/11/2008	11B5			
6	000438	Lê Khánh Tường	28/10/2008	11B2			
7	000439	Phạm Thị Ngọc Tường	31/10/2008	11B8			
8	000440	Trần Trương Nguyên Tường	31/08/2008	11B9			
9	000441	Nguyễn Duy Lan Uyên	24/11/2008	11B7			
10	000442	Lê Đặng Bích Uyên	07/05/2008	11B5			
11	000443	Phan Đoàn Tú Uyên	18/02/2008	11B5			
12	000444	Trần Gia Uyên	08/10/2008	11B5			
13	000445	Bùi Khánh Uyên	01/05/2008	11B10			
14	000446	Đặng Ngọc Uyên	12/08/2008	11B2			
15	000447	Võ Ngọc Phương Uyên	04/11/2008	11B11			
16	000448	Trần Ngọc Uyên	07/12/2008	11B3			
17	000449	Tăng Ngọc Tường Uyên	10/05/2008	11B3			
18	000450	Lê Nguyễn Hoàng Uyên	16/09/2008	11B9			
19	000451	Bùi Phương Uyên	30/10/2008	11B7			
20	000452	Bùi Khánh Vân	04/02/2008	11B4			
21	000453	Trịnh Ái Vi	15/03/2008	11B5			
22	000454	Nguyễn Ngọc Tường Vi	23/11/2008	11B6			
23	000455	Lương Anh Việt	02/02/2008	11B7			
24	000456	Đinh Công Hoàng Việt	03/08/2008	11B3			

DANH SÁCH HS KHỐI 11 KIỂM TRA GIỮA KỲ I - NĂM HỌC 2024 - 2025

Phòng thi: 20

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Toán (MĐ)	Ngữ văn (Ký tên)	Tiếng Anh (MĐ)
1	000457	Hoàng Ngọc Việt	21/12/2008	11B6			
2	000458	Trần Khánh Vinh	13/07/2008	11B4			
3	000459	Trương Nguyễn Thành Vinh	24/08/2008	11B6			
4	000460	Huỳnh Nhật Khánh Vinh	06/09/2008	11B7			
5	000461	Nguyễn Phú Vinh	17/10/2008	11B7			
6	000462	Nguyễn Thế Vinh	17/11/2008	11B11			
7	000463	Võ Thị Phúc Vinh	22/07/2008	11B6			
8	000464	Lê Hồ Anh Vũ	08/03/2008	11B8			
9	000465	Nguyễn Minh Vũ	09/08/2008	11B9			
10	000466	Nguyễn Đông Vy	03/12/2008	11B3			
11	000467	Nguyễn Hoàng Bảo Vy	09/09/2008	11B10			
12	000468	Hà Khánh Vy	16/12/2008	11B8			
13	000469	Bùi Ngọc Thảo Vy	18/11/2008	11B7			
14	000470	Đặng Thảo Vy	25/12/2008	11B3			
15	000471	Võ Thị Hạ Vy	14/03/2008	11B11			

DANH SÁCH HS KHỐI 11 KIỂM TRA GIỮA KỲ I - NĂM HỌC 2024 - 2025

Phòng thi: 21

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Toán (MĐ)	Ngữ văn (Ký tên)	Tiếng Anh (MĐ)
1	000472	Phan Thị Thanh Vy	16/03/2008	11B11			
2	000473	Trần Thu Vy	11/08/2008	11B10			
3	000474	Lê Trịnh Triệu Vy	07/12/2008	11B4			
4	000475	Nguyễn Chí Vỹ	20/02/2008	11B3			
5	000476	Khuất Hà Thiên Ý	25/07/2008	11B5			
6	000477	Lương Thị Huỳnh Ý	11/01/2008	11B9			
7	000478	Nguyễn Thị Ngọc Ý	24/07/2008	11B9			
8	000479	Ngô Thị Như Ý	13/06/2008	11B1			
9	000480	Nguyễn Thị Như Ý	10/10/2008	11B2			
10	000481	Trần Nguyễn Khánh Yên	22/11/2008	11B9			
11	000482	Y Thị Bảo Yên	02/08/2008	11B6			
12	000483	Phan Huỳnh Phi Yến	25/03/2008	11B7			
13	000484	Lê Mỹ Yến	16/01/2008	11B9			
14	000485	Nguyễn Ngọc Yến	11/04/2008	11B8			
15	000486	Lê Thị Như Yến	30/08/2008	11B6			